

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HS-ST

Ngày: 05-12-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hồng Tâm và ông Nguyễn Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Thất Nhật Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B (Tên gọi khác: Không có); Sinh ngày: 01/01/1976; nơi sinh: tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện P, tỉnh T; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chánh H, sinh năm 1943 và bà Phan Thị Đ (đã chết); Anh, chị, em ruột: Gia đình có 07 chị em ruột, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Chồng: Trần Ngọc C, sinh năm 1975; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Lê Thị B, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn K, xã Phú D, huyện P, tỉnh T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 26/8/2022, tại chợ T thuộc thôn K, xã P, huyện P, tỉnh T, Nguyễn Thị B trong quá trình bán hàng tại chợ T thì phát hiện bà Lê Thị B ngủ trưa tại sạp hàng của mình, còn thùng tiền để phía sau lưng nên B đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà B và đi đến vị trí bà B để thùng tiền lên lút trộm cắp số tiền 14.100.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng) của bà B. Khi Công an

xã P mời về làm việc thì Nguyễn Thị B đã giao nộp lại toàn bộ số tiền nói trên và khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

* Về vật chứng của vụ án: Số tiền 14.100.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng). Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho bị hại là bà Lê Thị B.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Lê Thị B đã nhận lại đầy đủ số tiền bị mất và không có yêu cầu gì về dân sự.

* Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKSPV ngày 08/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Thị B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát huyện P đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện P giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin lỗi bị hại, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khoảng 13 giờ 15 phút, ngày 26/8/2022, tại chợ T, thôn K, xã P, huyện P, tỉnh T, lợi dụng bà Lê Thị B sơ hở trong quá trình

buôn bán nên Nguyễn Thị B đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 14.100.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng). Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị 14.100.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, Viện kiểm sát huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tạo dư luận xấu, gây bức xúc trong xã hội và hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại Bản cáo trạng và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng. Bị cáo phạm tội lần đầu và gây thiệt hại không lớn, bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt và đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra đời sống xã hội mà áp dụng thêm điều 65 của bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 14.100.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho bị hại là bà Lê Thị B là đúng với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bé cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh T.
- Chi cục THADS huyện P

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ VANG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CƠ

Trần Thị Thanh Vân

Số: 15/2023/QĐST-HNGĐ

Phụ lục, ngày 01 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Ngày 06/02/2023, nguyên đơn – chị La Trương Khánh Như đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 115/2023/TL-ST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “ Xin ly hôn tranh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

